

Số: 551 /KH-UBND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030; Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030; Văn bản số 8713/BNNMT-VPĐP ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng kế hoạch và tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026; theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 6210/SNNMT-PTNTQLCL ngày 03/8/2026 (sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo bền vững năm 2026 (chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) theo Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 10/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng: “Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm từ 1,5%/năm trở lên”.

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030 làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2027 và giai đoạn 2027-2030; là căn cứ để đánh giá tiêu chí nghèo đa chiều đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2027-2030; phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (<https://csdllhn.mae.gov.vn>).

2. Yêu cầu

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải thực hiện đúng quy định, chặt chẽ từ thôn, tổ dân phố và có sự tham gia giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ngành, đoàn thể, cộng đồng dân cư; kết quả rà soát phải đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, khách quan, chính xác.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi tắt là cấp xã) có trách nhiệm quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,

Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của kết quả rà soát thuộc địa bàn quản lý.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN RÀ SOÁT

1. Phạm vi rà soát: trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Thời gian rà soát

- Thời gian rà soát định kỳ hằng năm: từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát.

- Thời gian rà soát trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

1.1. Đối tượng rà soát: hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

1.2. Phương pháp rà soát: thực hiện theo khoản 1 Điều 2 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ¹.

1.3. Quy trình rà soát: thực hiện theo Điều 4 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

2.1. Đối tượng rà soát

a) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

2.2. Phương pháp rà soát²

- Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm Đ) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sau đây gọi là số thiếu hụt TH) của hộ gia đình.

- Điểm Đ được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo

¹ Quyết định 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

² Thực hiện theo Điều 4, Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng và 280 điểm khu vực đô thị tương đương 2.800.000 đồng/người/tháng.

- Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên.

+ Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên.

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số.

+ Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số.

+ Hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị, trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã.

2.3. Quy trình rà soát

a) Quy trình rà soát định kỳ hằng năm³:

Bước 1: lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, bao gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

+ Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT

³ Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

Bước 2: tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

- Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo.

- Lập Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

Bước 3: tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Thành phần cuộc họp: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn cấp xã.

- Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo.

Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại Bước 4.

Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo rà soát lại.

- Kết quả cuộc họp gồm: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 01 biên bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 biên bản Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố lưu.

Bước 4: niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết, thông báo công khai danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt

cộng đồng thôn, tổ dân phố, Cổng thông tin điện tử cấp xã và qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

- Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại thôn, tổ dân phố.

- Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo tổng hợp danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả rà soát.

Bước 5: công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT trước ngày 31/12/2026. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại thôn, tổ dân phố.

b) Quy trình rà soát trong năm: thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

3. Chế độ báo cáo và biểu mẫu tổng hợp⁴

3.1. Chế độ báo cáo kết quả rà soát trong năm

- Trường hợp có hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo phát sinh khi rà soát trong năm: trước ngày 05 hằng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả rà soát. Trước ngày 10 hằng tháng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT thì báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

3.2. Chế độ báo cáo kết quả rà soát định kỳ hằng năm

a) Cấp xã

⁴ Thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, tổng hợp kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước 30/10/2026**.

- Tổng hợp báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030, gồm: kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và đánh giá kết quả giảm nghèo so với kết quả cùng kỳ năm trước gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước 10/11/2026**. Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

b) Cấp tỉnh

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn tỉnh, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 10/11/2026**.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2026 gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 15/12/2026**.

3.3. Mẫu, biểu tổng hợp

- Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm và rà soát trong năm theo Mẫu số 3.1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo các Mẫu số từ 3.1 đến 3.10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Những nội dung khác (nếu có) thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Kinh phí thực hiện⁵

4.1. Rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025:

- Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025) của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo quy định điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 để thực hiện năm 2026.

- ***Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính*** (theo quy định liên quan từ công tác tổ chức, tập huấn đến chi thực hiện rà soát tại các Điều 78, Điều 79 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử

⁵ Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 8713/BNNMT-VPĐP ngày 04/8/2026

dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025).

4.2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

a) **Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo ở địa phương thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương** theo quy định khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 (quy định: “*Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo*”), quy định Điều 8 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT (quy định: “*Kinh phí thực hiện rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Thông tư này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước*”).

Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁶.

b) **Các nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của Chương trình** theo quy định khoản 2 Điều 39 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Các cơ quan, đơn vị có các thành viên tham gia Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh (theo Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 06/10/2025):** phối hợp kiểm tra, giám sát việc tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm đúng quy trình, tiêu chí và thời gian quy định; kịp thời phát hiện, báo cáo, đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc, khiếu nại, tố cáo, phản ánh hoặc trường hợp kết quả rà soát chưa phù hợp với thực tế; tham gia thẩm định kết quả rà soát và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương và người dân về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030; mục đích, ý nghĩa của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026.

- Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, thống kê, tổng hợp, xử lý số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo; xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn quy trình, nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo cấp xã với nội dung phù hợp, đảm bảo hiệu quả.

- Trên cơ sở hệ thống mẫu, biểu tổng hợp quy định tại Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định

⁶ Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

thống nhất hệ thống mẫu, biểu tổng hợp báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho cấp xã.

- In ấn tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu thống kê; phiếu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp phát cho cấp xã đảm bảo đúng theo quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc quá trình triển khai, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

- Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2026 của cấp xã, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố chính thức kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

3. Sở Tài chính: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Thống kê tỉnh

- Cung cấp và chịu trách nhiệm về số liệu tổng số hộ dân cư trên địa bàn tỉnh cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để làm căn cứ tính tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan cung cấp số liệu tổng số hộ dân cư trên địa bàn thôn, tổ dân phố và cấp xã để làm căn cứ tính toán tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo khách quan, công bằng, chính xác, đúng quy định.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông thuộc phạm vi quản lý đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, quy trình thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn tỉnh.

6. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền: trên cơ sở kết quả rà soát hằng năm chủ động thực hiện các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đặc biệt là hộ nghèo không có khả năng lao động nhằm nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân, nhất là các xã có tỷ lệ nghèo đa chiều cao.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn quản lý.

- Tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, giai đoạn 2027-2030; huy động lực lượng người thực hiện rà soát và tổ chức công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, phân công nhiệm vụ cụ thể trong công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong việc thu thập thông tin, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, thẩm định và báo cáo kết quả rà soát theo đúng quy định.

- Theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện; cập nhật danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để theo dõi, quản lý và thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và nhà văn hóa thôn, tổ dân phố. Trường hợp có thắc mắc, khiếu nại của người dân, tiến hành phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình, quy định.

- Trên cơ sở nguồn kinh phí quy định tại Mục 4 Phần III Kế hoạch này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định nội dung, định mức chi hỗ trợ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu cho đội ngũ người rà soát theo phương thức "cầm tay chỉ việc", bảo đảm người rà soát nắm vững quy trình, phương pháp rà soát, cách ghi chép phiếu và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình rà soát; chi hỗ trợ đội ngũ người rà soát và các hoạt động phục vụ công tác rà soát của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả sơ bộ/chính thức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn theo quy định. Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Cập nhật đầy đủ thông tin, kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlln.mae.gov.vn>.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: phối hợp với các cấp chính quyền, các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến kế hoạch đến các đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện kế hoạch.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để được xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh VP, PCVP phụ trách lĩnh vực;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX₂.

} báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Nguyệt